

Bản án số:119/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25/5/2022

V/v: yêu cầu không công nhận vợ
chồng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- *Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đại Đồng

Ông Lê Mạnh Nhanh.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Quang – Thẩm tra viên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội
tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2022 về việc yêu cầu không công nhận là vợ chồng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1964. Xin vắng mặt

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Duy Tân, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1959. Xin vắng mặt

Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn V, xã H, huyện M, Tp Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, các đương sự là nguyên đơn, bị đơn đều trình bày:

Vào khoảng tháng 6 năm 1987 bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và về chung sống một nhà, do hạn chế trong việc nhận thức pháp luật nên bà S và ông Đ không làm thủ tục

đăng ký kết hôn. Sau khi cưới hỏi, bà S về gia đình nhà ông Đ làm dâu làm ăn sinh sống cùng ông Đ. Thời gian đầu tình cảm đôi bên còn hòa thuận, hạnh phúc nhưng đến khoảng từ năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do đôi bên bắt đầu có quan điểm, lối sống không còn hòa hợp nên hay xảy ra cãi chửi nhau, tình cảm bắt đầu sút mẻ, cả hai đã sống ly thân từ đó đến nay không ai hỏi han quan tâm đến ai.

Quan điểm của bà S: Bà S không muốn tiếp tục bị ràng buộc với cuộc sống chung không hợp pháp nên đã làm đơn đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Nguyễn Văn Đ.

Quan điểm của ông Đ: nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà S vì trên thực tế đã từ lâu hai người không còn quan hệ gì về tình cảm với nhau nữa.

- Về con chung: Bà S và ông Nguyễn Văn Đ đều trình bày họ có 01 con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, hiện đã thành niên, tự lập và có gia đình riêng nên ông Đ và bà S không yêu cầu xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Bà S và ông Nguyễn Văn Đ đều trình bày không có tài sản, công sức và công nợ chung.

- Về án phí: bà S đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa hội đồng xét xử đã công bố lời khai của đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án để làm rõ tại phiên tòa.

Ý kiến, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

Quá trình tiến hành tố tụng, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục pháp luật tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật có liên quan trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình, trước phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- bà S và ông Đ chung sống không đăng ký kết hôn nên đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ.

- Về con chung: Bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ đều xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, hiện đã thành niên, tự lập và có gia đình riêng nên không xem xét, giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết.

Án phí: bà S phải chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn là ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang thường xuyên sinh sống tại thôn V, xã H, huyện M, Thành phố Hà Nội là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trước phiên tòa nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án mở phiên tòa xét xử vụ án là đúng quy định tại điều 227 BLTTDS.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ đều xác định ông, bà có cưới hỏi theo phong tục địa phương vào tháng 6/1987 nhưng từ đó đến nay không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nên đã vi phạm Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Sau khi Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 có hiệu lực, theo hướng dẫn tại điểm b khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình, bà S và ông Đ phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày Luật hôn nhân và gia đình có hiệu lực, tức là từ ngày 01/01/2001 đến 01/01/2003. Tuy nhiên, từ ngày 01/01/2001 đến nay, mặc dù có đủ điều kiện kết hôn nhưng bà S và ông Đ vẫn không đăng ký kết hôn theo quy định, vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nay do mâu thuẫn giữa đôi bên không thể tiếp tục chung sống, bà S đã làm đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng giữa bà với ông Đ, Hội đồng xét xử cần chấp nhận là có căn cứ theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 giữa Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ đều xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, hiện đã thành niên, tự lập và có gia đình riêng nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự đều không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4]Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5]Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 9, 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06-01-2016 giữa Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 40; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ đều xác nhận có 01 con chung là Nguyễn Thị D, sinh năm 1989, hiện đã trưởng thành và tự lập nên không xem xét

3. Về án phí: Bà Hoàng Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ số tiền dự phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0038789 ngày 12/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, Thành phố Hà Nội.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng

